

Vinh Nguyễn & Trụ Phạm (2023). Phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 2-15

Đặc san Nghiên cứu  
Chính sách  
và Phát triển

© Học viện  
Chính sách  
và Phát triển, 2022  
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

## Phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

### Nguyễn Thế Vinh (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển.

Email: vinh.nt@apd.edu.vn

### Phạm Ngọc Trụ (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển ọh.

Email: phamngoctru@apd.edu.vn

### Tóm tắt

Nghệ An là tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh của cả nước và khu vực Bắc Trung Bộ. Trong giai đoạn 10 năm (2011-2020) kinh tế tỉnh Nghệ An đã đạt được những thành tựu đáng kể cả về quy mô và chất lượng. Tuy vậy, nhiều chỉ tiêu kinh tế của tỉnh còn tăng trưởng chậm và vẫn ở mức thấp so với mức bình quân cả nước. Nghiên cứu này tập trung đề xuất các định hướng lớn đối với việc phát triển các ngành kinh tế chủ lực cũng như các hình thức tổ chức không gian kinh tế tạo bộ khung phát triển của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Từ khóa:** *phát triển kinh tế, Nghệ An, tổ chức không gian kinh tế.*

### Abstract

Nghệ An province has a particularly important strategic position in terms of economy, politics, national defense, and security of the whole country and the North Central region. In the 10-year period (2011-2020), Nghệ An province's economy has achieved remarkable achievements in terms of both scale and quality. However, many economic indicators of the province still grow slowly and are still low compared to the national average. This study focuses on proposing major orientations for the development of key economic sectors as well as forms of economic spatial organization to create the development framework of Nghệ An province in the period to 2030, vision 2045.

**Keywords:** *economic development, Nghệ An, economic spatial organization.*

Ngày nhận bài:

15/11/2022

Bản sửa lần 1:

23/11/2022

Ngày duyệt bài:

10/12/2022

Mã số: ĐS010123

## 1. Khái quát một số nguồn lực phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An

Nghệ An có vị trí địa lý nằm ở trung tâm Bắc Trung Bộ và trên tuyến giao thông Bắc - Nam, Đông - Tây thuận lợi trong kết nối với

các địa phương khác trong cả nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường biển, đường sắt, đường hàng không; có tiềm năng để trở thành trung tâm phát triển của vùng nhưng lại đang có xu hướng chậm hơn trong cạnh tranh, phát triển với các tỉnh thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm (Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam).

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước (16.86,5 km<sup>2</sup>), có đầy đủ các dạng địa hình: đồng bằng ven biển, trung du và núi cao. Đất đai rộng lớn là tiềm năng để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tạo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến các loại sản phẩm từ cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi... cũng như quy hoạch xây dựng khu kinh tế (KKT), các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) để tạo quỹ đất phát triển công nghiệp. Nghệ An có trữ lượng về tài nguyên rừng khá lớn, thuận lợi cho khai thác và phát triển công nghiệp chế biến lâm sản (độ che phủ rừng là 70,8%). Gắn với rừng núi là hệ thống hang động được thiên nhiên kiến tạo độc đáo và các phát hiện về di tích khảo cổ có thể khai thác sử dụng như tài nguyên du lịch nghiên cứu, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch mạo hiểm. Với đường bờ biển dài 82km, Nghệ An có diện tích biển lớn, tổng trữ lượng hải sản các loại khoáng 80.000 tấn. Dọc bờ biển Nghệ An có 3.500 ha diện tích mặt nước lợ có thể sử dụng cho việc nuôi trồng thủy sản. Bờ biển bằng phẳng, có một số bãi tắm đẹp, nước trong, có độ mặn vừa phải, môi trường trong lành, số lượng giờ nắng nhiều, thuận lợi cho sự phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng. Cảng biển là yếu tố thuận lợi trong vận chuyển hàng hóa, hấp dẫn các dự án đầu tư và đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Tài nguyên khoáng sản của Nghệ An khá đa dạng, trong đó nhiều loại quý hiếm

có ý nghĩa trong phạm vi vùng và cả nước như: Vàng, đá quý, thiếc, bô-xít, phốt-pho-rít và các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng như đá trắng, đá vôi (để sản xuất xi măng), đá xây dựng, đá granite. Đây là một lợi thế lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng. Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, thuận lợi cho phát triển nhiều ngành kinh tế nhưng tài nguyên phân tán, không có lợi thế so sánh vượt trội, dư địa phát triển không còn nhiều, khó khai thác quy mô lớn và hiệu quả cao cùng với những vấn đề về môi trường.

Nghệ An là vùng đất “địa linh nhân kiệt” giàu truyền thống cách mạng và tinh thần hiếu học, là quê hương của nhiều danh nhân có đóng góp to lớn trong lịch sử dân tộc. Nghệ An có tiềm năng về nguồn nhân lực rất lớn. Dân số đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng; người dân có truyền thống cần cù thông minh nhưng nguồn nhân lực lao động kỹ thuật và chất lượng cao còn thiếu. Quy mô dân số Nghệ An đứng thứ tư cả nước (hơn 3,41 triệu người - năm 2021) trong đó, số dân trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hơn 2 triệu người. Lực lượng lao động phần lớn là trẻ, dồi dào, đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng là một lợi thế của Nghệ An để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, bên cạnh đó, truyền thống hiếu học, học giỏi đã trở thành giá trị văn hóa tiêu biểu của Nghệ An. Tuy nhiên tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn cao, trình độ chuyên môn kỹ năng nghề nghiệp của người lao động chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Sự phân bố lực lượng lao động chưa hợp lý. Phần lớn lực lượng lao động tập trung ở vùng đồng bằng ven biển và thành

phố, các huyện miền núi lao động ít, tỷ lệ lao động chưa được đào tạo cao, thiếu lao động có trình độ là yếu tố hạn chế khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội ở khu vực này.

## 2. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2020

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh Nghệ An được sự quan tâm của Đảng và nhà nước, đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách cho sự phát triển của tỉnh trong đó Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 6,81% so với cả nước là 5,95% (trong đó: giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng 6,61%; giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng 7,03%), năm 2021 đạt 6,2% và có xu hướng phục hồi so với trước dịch Covid-19. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 43,0 triệu đồng (1.864 USD)<sup>1</sup>, gấp 2,9 lần so với năm 2010.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng theo quy luật phát triển trong giai đoạn công nghiệp hoá nền kinh tế: giảm tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng phi nông nghiệp<sup>2</sup>. Mô hình tăng trưởng của tỉnh từng bước chuyển dịch theo hướng chất lượng tăng trưởng được cải thiện, khoa học công nghệ được tăng cường góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 48,59%.

Về phát triển đô thị, Nghệ An thuộc nhóm tỉnh có tỷ lệ đô thị hóa thấp: năm 2020 tỷ

lệ đô thị hóa tỉnh Nghệ An mới đạt 15,5%, tốc độ tăng quy mô dân thành thị giai đoạn 2011 - 2020 chỉ đạt khoảng 2,4%/năm. Hiện tại, tỉnh Nghệ An có 23 đô thị gồm: 01 thành phố, 03 thị xã, 17 thị trấn huyện lỵ, 02 đô thị thuộc huyện đã được công nhận đô thị loại V là Sơn Hải (huyện Quỳnh Lưu) và Sông Dinh (huyện Quỳnh Hợp). Đô thị Vinh được xác định là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ song việc phát huy vai trò này vẫn còn khá hạn chế.

Các hình thức tổ chức không gian kinh tế trên địa bàn tỉnh đã hình thành song việc phát triển và lan tỏa ảnh hưởng còn khá hạn chế. Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An được kỳ vọng trở thành khu kinh tế trọng điểm, đa ngành, đa chức năng, trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, chế tạo ô tô, thiết bị công nghệ cao, dược phẩm, chế biến nông - lâm - hải sản, là động lực cho phát triển khu vực Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh song phát triển còn khá chậm, đặc biệt là so với 02 khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa) và Vũng Áng (Hà Tĩnh). Các KCN tuy đã có quyết định thành lập song tỷ lệ lấp đầy còn thấp, khó thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài.

## 3. Đánh giá cơ hội và thách thức đối với tỉnh Nghệ An trong giai đoạn tới

### 3.1. Cơ hội

Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6,5-7,0% năm cho giai đoạn 2021-2030, sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi của tăng trưởng kinh tế thế giới, các dòng vốn đầu tư, thương mại toàn cầu. Việc Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định thương

1. Năm 2021 quy mô GRDP tỉnh Nghệ An đạt 155.425 tỷ đồng, GRDP/người đạt 45,6 triệu đồng/người (1.826 USD)

2. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 22,27% (2010) lên 27,35% (2020); Dịch vụ giảm từ 45,95% (2010) xuống 42,99% (2020); Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 27,42 % (2010) xuống 24,62% (2020).

mại tự do song phương và đa phương (như CPTPP, EVFTA, EVIPA,...) tạo điều kiện thuận lợi, mở ra cơ hội lớn trong hợp tác toàn diện và phát triển mạnh mẽ hơn với các đối tác lớn đến từ thị trường EU, Nhật Bản. Tranh chấp thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và đại dịch Covid-19 làm dịch chuyển chuỗi cung ứng trên phạm vi khu vực và toàn cầu sẽ mở ra cơ hội mới cho các nước như Việt Nam. Nghệ An được dự báo sẽ có cơ hội lớn trong thu hút dòng vốn đầu tư dịch chuyển vào Việt Nam nhờ lợi thế về logistics, hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại và nguồn lao động nhất là lao động qua đào tạo.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công nghệ số sẽ mở ra nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm; tạo cơ hội thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ số, Internet và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm vừa qua tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong thời kỳ tới. Triển vọng về hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam và Nghệ An 2021-2030 được cải thiện đột phá (đường bộ cao tốc phía Đông, đường sắt tốc độ cao đoạn Hà Nội - Vinh, cảng nước sâu Cửa Lò, Đông Hồi, cảng hàng không quốc tế Vinh). Nghệ An nằm trong khu vực có công nghiệp phát triển nhanh và năng động (Khu kinh tế Nghi Sơn tại tỉnh Thanh Hóa và Khu kinh tế Vũng Áng tại Hà Tĩnh), do đó có cơ hội liên kết phát triển vùng cho các ngành, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ, phát huy lợi thế so sánh vùng.

Nghệ An là tỉnh giàu truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước; luôn nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các đồng chí Lãnh đạo, Đảng, Nhà nước. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-TW về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An; Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 36/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Sự quan tâm, ủng hộ của Trung ương là cơ hội thuận lợi để đến năm 2030 - dấu mốc 1.000 năm danh xưng Nghệ An, Nghệ An trở thành tỉnh khá như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với quê hương.

### **3.2. Thách thức**

Hội nhập kinh tế và việc thực thi các hiệp định thương mại tự do, cam kết mở cửa thị trường sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh toàn cầu rất lớn đối với các doanh nghiệp, hàng hóa, dịch vụ trong nước và Nghệ An. Cạnh tranh trong thu hút đầu tư, nhất là giữa các tỉnh trong khu vực Bắc Trung Bộ ngày càng cao

Biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là nông nghiệp, thủy sản; Tác động của đại dịch Covid-19 có thể còn kéo dài. Trong khi đó, kinh tế Nghệ An còn nhiều hạn chế nên rất dễ bị tổn thương và chịu nhiều rủi ro.

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển đặc biệt là phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng của Nghệ An rất lớn nhưng vốn ngân sách hạn hẹp, nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp địa phương nhỏ bé, vốn huy động từ các nguồn xã hội hoá, thu hút đầu tư FDI<sup>3</sup> và ngoài tỉnh còn khó khăn.

Kinh tế phát triển không đồng đều giữa các vùng. Khu vực miền núi, nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Nghệ An chiếm diện tích lớn, kinh tế phát triển chậm, mức sống của

3. FDI hiện chiếm khoảng 3% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh

người dân còn thấp, vấn đề nghèo đói, việc làm và an sinh xã hội đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.

#### **4. Định hướng phát triển các ngành kinh tế**

##### **4.1. Ngành công nghiệp**

Trong giai đoạn 2021-2025: Tập trung thu hút đầu tư để phát triển nhanh các ngành: Điện tử, công nghệ thông tin; cơ khí lắp ráp; vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ mới; dược liệu, hoá chất; chế biến nông-lâm-thủy sản, thực phẩm; năng lượng; hàng tiêu dùng; công nghiệp hỗ trợ.

Trong giai đoạn 2026 - 2030: Chuyển đổi sang mô hình phát triển theo chiều sâu phù hợp với xu thế hội nhập và hiện đại. Ưu tiên thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các lĩnh vực cốt lõi về số hóa (công nghệ sinh học, công nghệ nano, in 3D, vật liệu mới).

Các lĩnh vực, sản phẩm công nghiệp chủ lực theo thứ tự sau:

*Công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin:* Phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin trở thành ngành chủ lực với các nhóm sản phẩm như sản xuất, lắp ráp các thiết bị, linh kiện điện tử dùng trong sản xuất và dân dụng; thiết bị và linh kiện thông tin; viễn thông; máy tính; sản xuất phần mềm; nội dung thông tin số, nghiên cứu công nghệ thông tin, các thiết bị số.

*Công nghiệp cơ khí:* Các lĩnh vực cần tập trung phát triển của công nghiệp cơ khí bao gồm: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe tải, phụ tùng xe ô tô các loại quy mô 20.000 - 30.000 chiếc/năm (tại các KCN trong khu kinh tế Đông Nam như VSIP, Thọ Lộc, WHA, Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2), tôn mạ kẽm, ống thép xây dựng, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, thiết bị xây dựng, quạt điện, xe đạp

điện, gia công kim khí, kết cấu kim loại, dây lưới thép, đóng mới tàu thuyền vỏ thép cỡ vừa và nhỏ, thiết bị nâng hạ (tại các KCN Nghi Lộc, KCN **Đông Hồi**); sản xuất các mặt hàng gia dụng không gỉ, và sửa chữa lớn các máy và thiết bị tương ứng, thiết bị phụ trợ sản xuất xi măng (tại các KCN Hoàng Mai I, KCN Hoàng Mai II) và phụ tùng máy móc khai thác,... Thu hút các dự án sản xuất và lắp ráp xe tải các loại, xe buýt để đáp ứng nhu cầu rất lớn vận chuyển hàng hóa và hành khách địa bàn Nghệ An và các tỉnh trong khu vực thay thế nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc; Thu hút các dự án sản xuất xe hơi phân khúc bình dân.

*Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:* Tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực như gạch ốp lát tấm lớn, gạch không nung, ngói màu, thiết bị vệ sinh cao cấp, đá ốp lát, tấm thạch cao, các sản phẩm sử dụng công nghệ mới như: Kính xây dựng, kính cường lực, vật liệu composit, tấm ốp các loại, cửa uPVC và cửa nhôm, sơn cao cấp có khả năng kháng diệt khuẩn. Hạn chế thu hút phát triển thêm các nhà máy xi măng, đẩy nhanh tiến độ khởi công xây dựng Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 giai đoạn I; Mở rộng công suất Nhà máy xi măng Sông Lam công suất giai đoạn 2 thêm 3,8 triệu tấn/năm; Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xi-măng trắng trong khu kinh tế Đông Nam hoặc các KCN, CCN. Sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường trong khai thác đá khối và sản xuất đá ốp lát ở các huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Tương Dương; Ưu tiên phát triển kính an toàn, kính đặc biệt với quy mô công suất từ 1-2 triệu m<sup>2</sup>/năm để khai thác tiềm năng nhu cầu thị trường xây dựng nhà cao tầng, xây dựng cửa hàng, cửa hiệu; Thu hút đầu tư các dự án về sản xuất vật liệu nhựa cao

cấp, khung cửa nhựa, cửa uPVC, cửa nhôm, tấm ốp trần vào các KCN, CCN ở khu vực Thái Hòa, Nghĩa Đàn, Hoàng Mai.

*Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm:* Phát triển ngành này gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung vào những sản phẩm chủ lực như ván MDF, HDF, gỗ ghép thanh, tre ghép, sữa chế biến, thực phẩm, chế biến nước trái cây, chế biến rau quả, chè, đường kính,... Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các phân khu chức năng trong Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao Khu vực Bắc Trung Bộ theo Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ để thúc đẩy phát triển ngành chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

*Công nghiệp dệt may-da giày:* Tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao dựa trên quy trình sản xuất thông minh, tự động hoá với nhóm sản phẩm: Sợi, sản phẩm may mặc, sản xuất giày dép da xuất khẩu, sản xuất các nguyên phụ liệu hỗ trợ ngành may, da giày. Hình thành Trung tâm thiết kế thời trang, trung tâm sản xuất mẫu mã, cung cấp dịch vụ, nguyên phụ liệu cho ngành may mặc của khu vực Bắc Trung Bộ tại Nghệ An.

## **4.2. Các ngành dịch vụ chính**

### *a. Thương mại và logistics*

Thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh; phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại chủ đạo bên cạnh các loại hình thương mại truyền thống phù hợp với xu thế phát triển; Chú trọng xây dựng và phát triển các thương hiệu hàng hóa của tỉnh mang tầm quốc gia và quốc tế; tận dụng vị trí kết nối thuận lợi, các hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với các nước để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Phát triển dịch

vụ vận tải, kho bãi, logistic đa dạng, hiện đại, trở thành ngành dịch vụ chủ lực. Khai thác có hiệu quả các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải. Tiếp tục nâng cấp hệ thống kho bãi, bảo quản hàng hóa, dịch vụ hậu cần, nhất là các bến cảng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và chất lượng dịch vụ vận tải, logistics. Thu hút đầu tư các doanh nghiệp logistics có thương hiệu, uy tín và tiềm lực tài chính; xây dựng 01 trung tâm logistic hạng II tại khu kinh tế Đông Nam (huyện Nghi Lộc) và một số Trung tâm logistics vừa và nhỏ tại các huyện, thành phố, thị xã. Ưu tiên phát triển hệ thống kho bãi xung quanh các đô thị như Vinh, Cửa Lò, các KCN.

Xây dựng TP Vinh, Tx. Cửa Lò trở thành trung tâm thương mại của khu vực Bắc Trung Bộ với chức năng đầu mối xuất, nhập khẩu, tập kết, trung chuyển, phân phối, vận chuyển hàng hóa và dịch vụ; là trung tâm xúc tiến, giao dịch thương mại và các dịch vụ khác. Tập trung vào các dự án logistics trọng điểm như trung tâm logistics khu vực cảng Cửa Lò; tổng kho trung chuyển và phân phối khu vực Bắc Trung Bộ...

### *b. Dịch vụ tài chính - ngân hàng*

Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng các loại hình, đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng ngày càng gia tăng của nền kinh tế, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu. Tiếp tục xây dựng và phát triển Nghệ An thành tỉnh đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ về hoạt động tài chính - ngân hàng. Phát triển các

dịch vụ tài chính - ngân hàng trên nền tảng công nghệ tự động hóa, kết nối đa chiều và thông minh hóa của công nghệ hiện đại. Chú trọng phát triển thanh toán điện tử phục vụ thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác.

### *c. Du lịch*

*Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo:* (1) Du lịch văn hóa-lịch sử: Khai thác giá trị văn hóa lịch sử nổi bật, độc đáo, dấu ấn riêng có của xứ Nghệ: Khu du lịch quốc gia Kim Liên, đền ông Hoàng Mười, chùa Đại Tuệ và đặc biệt là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; (2) Du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và thể thao biển: chú trọng phát triển các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao bãi biển; xây dựng tổ hợp vui chơi giải trí và cáp treo Vinpearl Cửa Hội; Khu du lịch sinh thái Bãi Lữ; khu du lịch Biển Quỳnh; (3) Du lịch sinh thái, mạo hiểm gắn với cộng đồng: khai thác giá trị tài nguyên rừng, đa dạng hệ sinh học, cảnh quan và văn hóa bản địa của đồng bào các dân tộc thiểu số sống tại khu vực miền Tây Nghệ An; trong đó, điểm nhấn mang tính đặc trưng của Nghệ An là tour du lịch săn mây, khám phá đỉnh Puxailaileng.

Chuyển hướng dần sang phân khúc sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao như: nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, ăn uống và mua sắm hàng hoá lưu niệm. Đối với thị trường quốc tế, tập trung vào các thị trường ASEAN, Đông Á-Thái Bình Dương. Chú trọng các thị trường khách du lịch Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Âu, Bắc Mỹ. Đối với thị trường nội địa, tập trung vào đối tượng khách du lịch biển theo nhóm gia đình, cơ quan vào mùa hè chủ yếu từ các địa phương lân cận, Hà Nội và các tỉnh phía Bắc;

### *d. Kinh tế biển*

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển và ven biển theo hướng chú trọng phát huy lợi thế so sánh của tỉnh với các địa phương giáp biển khác của cả nước; tập trung vào các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Công nghiệp ven biển; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Khai thác khoáng sản biển; (6) Các hoạt động kinh tế biển khác. Trong đó, lấy phát triển du lịch, kinh tế hàng hải và công nghiệp ven biển là các lĩnh vực đột phá; lấy khu kinh tế Đông Nam làm trọng tâm cho phát triển kinh tế biển; lấy hợp tác vùng và hợp tác quốc tế làm đòn bẩy để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển.

### **4.3. Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản**

Phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng hiện đại, xanh, sạch, sinh thái, bền vững, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc ứng dụng các quy trình, công nghệ mới, thông minh, sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp theo các nhóm sản phẩm chủ lực và vùng sinh thái để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Chú trọng thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, quy mô ngày càng lớn; phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác, nòng cốt là các hợp tác xã.

Về trồng trọt, chăn nuôi: Tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh, có nhu cầu lớn, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở phát huy lợi thế

vùng, miền, gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các cây trồng như lúa (khoảng 20 nghìn ha), cam (5 nghìn ha), dứa (8 nghìn ha), chè (8,5 nghìn ha),... nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, trang trại và chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ cao (khoảng 50-60% số lượng đàn lợn, bò, gia cầm nuôi ứng dụng công nghệ cao), quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường. Chú trọng phát triển các vật nuôi có thị trường và có tiềm năng như lợn, bò thịt, bò sữa, gia cầm.

Về thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh và bán thâm canh các đối tượng nuôi có giá trị cao, các sản phẩm chủ lực của tỉnh như tôm, cá và các loài nhuyễn thể; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản theo hướng khai thác xa bờ kết hợp bảo vệ nguồn lợi; phát triển đội tàu khai thác hải sản xa bờ hiệu quả, bền vững có trang bị đồng bộ, hiện đại; đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá, khu neo đậu đáp ứng các nhu cầu phục vụ khai thác hải sản. Quan tâm công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động về khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Về lâm nghiệp: Phát triển lâm nghiệp hài hòa về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. Tập trung bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, trước hết là rừng đặc dụng và phòng hộ đáp ứng mục tiêu môi trường

và kết hợp du lịch sinh thái; phát triển rừng phòng hộ trên địa bàn xung yếu. Nâng cao hiệu quả rừng sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung có quy mô vừa và lớn, đạt tiêu chuẩn vững bền đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ, nhất là các loại cây dược liệu. Phát huy hiệu quả của Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao khu vực Bắc Trung Bộ tại Nghệ An và tăng cường kết nối với các vùng nguyên liệu của các tỉnh trong khu vực để phát triển công nghiệp chế biến, đưa Nghệ An trở thành trung tâm sản xuất chế biến và xuất khẩu gỗ lớn của khu vực Bắc Trung Bộ. Quan tâm phát triển dịch vụ môi trường rừng nhằm cải thiện sinh kế cho cộng đồng các dân tộc miền núi, vừa giúp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

## **5. Định hướng phát triển các hình thức tổ chức không gian kinh tế quan trọng**

### **5.1. Cụm công nghiệp**

Giữ nguyên hiện trạng và đề xuất mở rộng diện tích 37 CCN hiện có theo với tổng diện tích theo quy hoạch là 1.059,65 ha trong đó phần diện tích quy hoạch mở rộng là 164,35 ha; *Điều chỉnh loại bỏ 16 CCN với tổng diện tích 317,6 ha* do vị trí, quỹ đất không phù hợp, khó thu hút đầu tư; Bổ sung mới 20 CCN với tổng diện tích 848,25 ha. Như vậy đến năm 2030, tỉnh Nghệ An có tổng cộng 57 CCN với tổng diện tích quy hoạch đạt 1.907,9 ha.

### **5.2. Khu công nghiệp**

Trong giai đoạn 2021-2025 cần tập trung huy động nguồn lực để xây dựng hạ tầng các KCN trong khu kinh tế Đông Nam (bao gồm: KCN VSIP; KCN Nam Cấm (bao gồm KCN WHA); KCN Hoàng Mai; KCN Đông Hồi và KCN Tri Lễ ngoài khu kinh tế Đông Nam; Phát triển mới thêm 03 KCN (KCN Thọ Lộc, KCN hỗ trợ cảng



Cửa Lò, KCN Nghĩa Đàn) với tổng diện tích khoảng 1.146ha.

Trong giai đoạn 2026-2030, thực hiện việc lập quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế mở rộng, quy hoạch phân khu xây dựng các KCN trong và ngoài khu kinh tế để có cơ sở thực hiện trong các giai đoạn sau. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng các KCN trên địa bàn tỉnh gắn với xây dựng khu dịch vụ - đô thị, khu chung cư và các công trình dịch vụ phúc lợi xã hội cho người lao động. Đảm bảo việc xử lý môi trường theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành trong quá trình hoạt động và sản xuất của KCN. Phát triển mới thêm 02 KCN (KCN đô thị và dịch vụ Thọ Lộc, KCN Tân Kỳ) và mở rộng 02 KCN (KCN Nam Cẩm mở rộng, KCN Thọ Lộc mở rộng) với tổng diện tích thực hiện khoảng 850ha.

### **5.3. Phương án phát triển các khu kinh tế, khu công nghệ cao**

#### *a. Khu kinh tế Đông Nam*

Tập trung phát triển Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An được Thủ tướng Chính phủ thành lập tại Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007, điều chỉnh ranh giới tại các Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 và Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015, với tổng diện tích lên 20.776,47 ha.

Mở rộng ranh giới Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An theo các trục giao thông đối ngoại kết nối khu kinh tế như Quốc lộ 7A, 7C, 46, Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Vinh), Quốc lộ 48D, đường bộ ven biển và một phần khu vực biển để đảm bảo quỹ đất phát triển lâu dài (đến năm 2050) của Khu kinh tế Nghệ An. Cụ thể: Khu vực 1 phát triển từ Khu kinh tế Đông Nam được Thủ tướng Chính phủ thành lập năm 2007 và KCN, đô thị và dịch vụ VSIP mở rộng phát triển theo Quốc lộ 7A, 7C, 46, Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Vinh)

gắn với Cảng biển Cửa Lò; Khu vực 2 phát triển từ KCN Hoàng Mai, KCN Đông Hồi phát triển theo Quốc lộ 48D, đường bộ ven biển gắn với Cảng biển Đông Hồi. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và sản xuất kinh doanh các KCN, đô thị, dịch vụ, du lịch; Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các khu bến cảng Cửa Lò, Khu bến cảng Đông Hồi. Giai đoạn sau năm 2030: Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và sản xuất kinh doanh các KCN, dịch vụ, du lịch.

#### *b. Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy*

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy gắn với cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, giao lưu thuận tiện với các nước láng giềng như Lào, Thái Lan; kết nối thuận lợi với các trục giao thông huyết mạch của quốc gia như: Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 46 đi cảng Cửa Lò, đặc biệt là tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Vinh Chấn.

Trong giai đoạn đến năm 2030: đẩy nhanh tiến độ thành lập và tiến hành xúc tiến đầu tư, giải phóng mặt bằng và xây dựng một bước kết cấu hạ tầng khung khu phát triển mở rộng gắn kết mật thiết, đồng bộ với khu đã có; Thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng và sản xuất kinh doanh các KCN, đô thị, dịch vụ, du lịch. Giai đoạn sau năm 2030: Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và sản xuất kinh doanh các KCN, dịch vụ, du lịch.

#### *c. Khu công nghệ cao*

Nghiên cứu thành lập Khu công nghệ cao trong Khu kinh tế Nghệ An mở rộng với quy mô khoảng 2.000 ha với các khu chức năng như KCN công nghệ cao, khu phần mềm, khu giáo dục và đào tạo sau năm 2025.

### **5.4. Phương án phát triển các hành lang kinh tế**

#### *a. Hành lang kinh tế ven biển phía Đông*

Phát triển hành lang kinh tế ven biển phía Đông nhằm đón đầu, khai thác các ưu đãi trong chính sách phát triển hành lang

kinh tế Bắc - Nam phía Đông của Việt Nam - tuyến hành lang kinh tế quan trọng bậc nhất cả nước, thúc đẩy kết nối liên tỉnh, liên vùng của tỉnh Nghệ An.

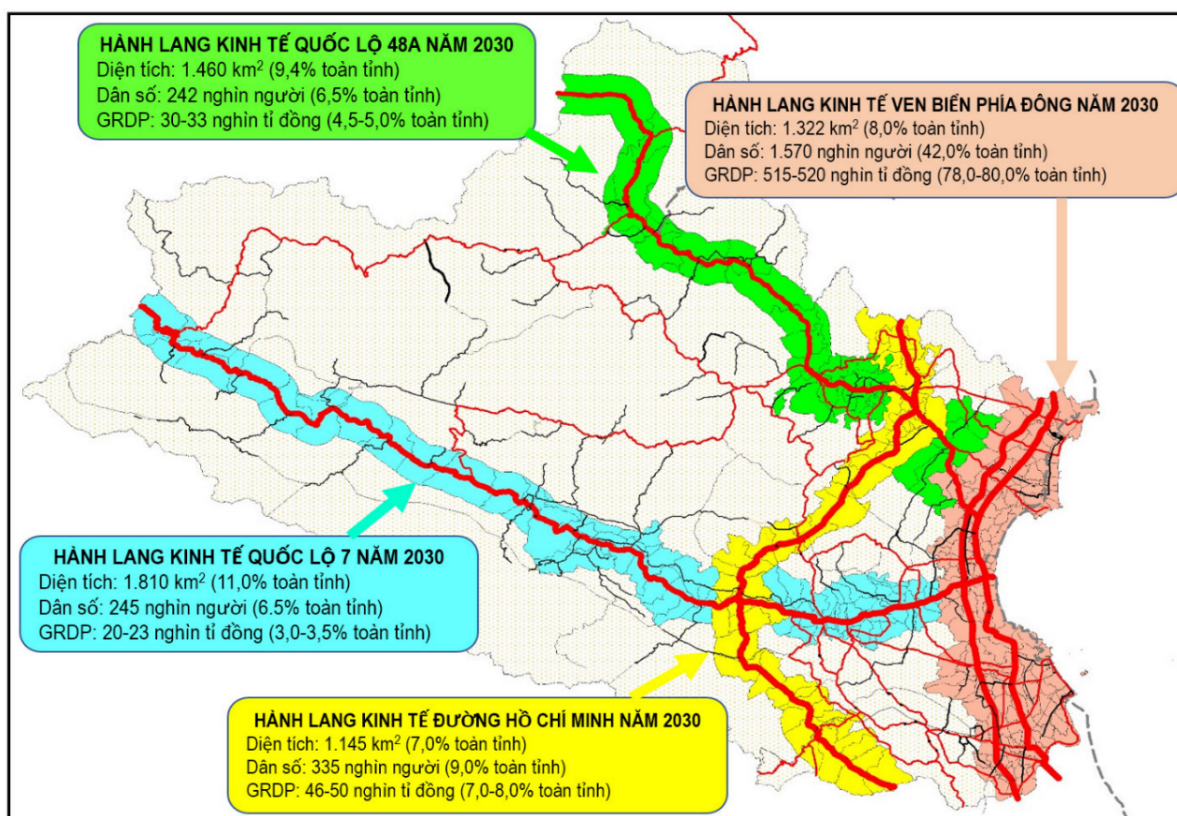
Phát triển hành lang kinh tế ven biển phía Đông trong vai trò là lãnh thổ đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của toàn tỉnh trong tương lai: Chỉ chiếm khoảng 8,0% diện tích nhưng chiếm tới 42% dân số và 78-80% GRDP của tỉnh vào năm 2030 do đây là địa bàn có mật độ kinh tế cao, nơi tập trung các đô thị lớn nhất của tỉnh.

Về công nghiệp, hành lang ưu tiên phát triển các KCN, CCN (bao gồm KCN Hoàng Mai, KCN Đông Hội, KCN Thọ Lộc, KCN Nam Cẩm, KCN Bắc Vinh, KCN VSIP; KCN Diễn Quỳnh; CCN Hồng Hoa, CCN Tháp-Hồng-Kỷ, CCN Trường Thạch,...) tạo động lực thúc đẩy kinh tế của các địa phương liên quan đến

hành lang phát triển, hội nhập vào khu vực và thế giới. Tập trung thu hút các ngành, sản phẩm công nghiệp chế biến có công nghệ cao; chế biến sâu có giá trị gia tăng lớn. Phát triển công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin khu vực phụ cận Tp. Vinh gắn với sự phát triển của khu công nghệ cao Nghệ An.

Về dịch vụ, tập trung phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ sản xuất (vận tải, kho bãi,...), khai thác thế mạnh tài nguyên (du lịch gắn với tài nguyên biển, các di tích, lễ hội) và đáp ứng nhu cầu của người dân tại chỗ, du khách (thương mại, y tế, giáo dục,...). Tăng cường đầu tư, nâng cấp và phát triển hạ tầng thương mại nhằm thúc đẩy giao lưu hàng hóa với các địa phương nằm trên tuyến hành lang kinh tế Bắc - Nam của cả nước, đặc biệt là khu vực với thủ đô Hà Nội, khu vực nam Thanh Hóa, bắc Hà Tĩnh.

**Hình 1. Vị trí các hành lang kinh tế tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030**



Về nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ở các địa bàn còn quỹ đất cho nông nghiệp song có sự chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa hiện đại, nông nghiệp đô thị, ưu tiên phát triển các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao (lúa chất lượng cao, rau an toàn, nuôi tôm, ngao,... theo hướng thâm canh...).

*b. Hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh*

Phát triển hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của dải trung du tỉnh Nghệ An, đồng thời giảm tải một phần mức độ tập trung công nghiệp cho hành lang kinh tế ven biển phía Đông. Đến năm 2030, hành lang kinh tế này chiếm khoảng 7% diện tích, 9% dân số và 8-9% GRDP của tỉnh vào năm 2030.

Phát triển các KCN, CCN (bao gồm KCN Đông Hiếu, KCN Tân Kỳ, KCN Tri Lễ, KCN Tây Hiếu, KCN Tân Mỹ, KCN Kim Cường, CCN Nghĩa Lâm, CCN Nghĩa Mỹ, CCN Nghĩa Thuận, CCN Nghĩa Dũng, CCN Nghĩa Hoàn...) để hình thành các hạt nhân kinh tế cũng như tạo tiền đề để hình thành mới hoặc mở rộng các đô thị trong những giai đoạn sau. Tập trung thu hút các ngành, sản phẩm công nghiệp chế biến nông - lâm sản (thịt các loại, chè, gỗ,...), chế biến khoáng sản theo hướng chế biến sâu, công nghệ hiện đại nhằm khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ. Trong giai đoạn trước mắt cần thu hút một số ngành công nghiệp thâm dụng lao động (dệt may, giày da, lắp ráp,...) nhằm giải quyết nhu cầu lao động tại chỗ.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao dựa trên thế mạnh về tài nguyên đất, rừng. Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung phát triển cây ăn quả, cây

công nghiệp gắn với sự phát triển của các cơ sở chế biến tập trung (ở các KCN, CCN).

Phát triển thương mại tập trung tại các đô thị (đặc biệt là Tx. Thái Hòa) và các khu vực tập trung công nghiệp mới phân bố dọc hành lang. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông kết nối và hạ tầng cơ sở tại các điểm du lịch giàu tiềm năng trên tuyến hành lang (Thung lũng hoa Phủ Quỳ, sân Golf Mường Thanh, Đảo chè ở Thanh Chương,...) cũng như kết nối với các điểm du lịch lân cận (khu du lịch Quốc gia Kim Liên - Nam Đàn, bãi biển Cửa Lò,...).

*c. Hành lang kinh tế quốc lộ 48A*

Phát triển hành lang kinh tế quốc lộ 48A nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của địa bàn trung du, miền núi phía Bắc tỉnh Nghệ An, góp phần giảm chênh lệch trình độ phát triển giữa dải đồng bằng ven biển phía đông với đồi, núi phía tây của Tỉnh. Đến năm 2030, hành lang kinh tế quốc lộ 48A chiếm khoảng 9,4% diện tích, 6,5% dân số và 4,5-5% GRDP của tỉnh.

Về công nghiệp, phát triển các KCN, CCN (bao gồm KCN Nghĩa Đàn, KCN Đông Hiếu, KCN Sông Dinh, CCN Thị trấn Tân Lạc; CCN Châu Bình, CCN Châu Hội...) để hình thành các hạt nhân kinh tế cũng như tạo tiền đề để hình thành mới hoặc mở rộng các đô thị (đặc biệt là đô thị Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu) trong giai đoạn sau. Thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản (thịt các loại, chè, gỗ,...), khai thác và chế biến khoáng sản theo hướng chế biến sâu, công nghệ hiện đại nhằm khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Về nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao dựa trên thế mạnh về tài nguyên đất, rừng. Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp gắn với sự phát triển của các cơ sở chế biến tập trung.

Về dịch vụ, đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (sân Golf Mường Thanh), du lịch cộng đồng (Bản Hoa Tiến) cũng như kết nối với các điểm du lịch thuộc hành lang kinh tế ven biển phía Đông (Bãi Lữ,...), hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh (Thung lũng hoa Phủ Quỳ...).

#### *d. Hành lang kinh tế quốc lộ 7*

Phát triển hành lang kinh tế quốc lộ 7 nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của địa bàn trung du, miền núi phía Nam tỉnh Nghệ An, góp phần giảm chênh lệch trình độ phát triển giữa dải đồng bằng ven biển phía đông với đồi, núi phía tây của Tỉnh đồng thời thúc đẩy giao thương quốc tế với CHDCND Lào. Đến năm 2030, hành lang kinh tế quốc lộ 7 chiếm khoảng 11% diện tích, 6,5% dân số và 3-3,5% GRDP của tỉnh.

Về công nghiệp, không gian ưu tiên cho phát triển công nghiệp chủ yếu ở phía đông (các huyện Yên Thành, Anh Sơn) và khu vực quanh thị trấn Con Cuông nhờ lợi thế về giao thông, lao động. Trên tuyến hành lang phát triển các KCN, KCN (bao gồm KCN Xuân Lâm, KCN Tri Lễ; CCN Thị trấn Anh Sơn, CCN Bãi Xa, CCN Chiêu Lưu...) để hình thành các hạt nhân kinh tế cũng như tạo tiền đề để hình thành mới hoặc mở rộng các đô thị (đặc biệt là đô thị Con Cuông) trong những giai đoạn sau. Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản (thịt các loại, chè, gỗ,...) theo hướng chế biến sâu, công nghệ hiện đại nhằm khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Về nông nghiệp: đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao dựa trên thế mạnh về tài nguyên đất, rừng. Hình thành các vùng nông nghiệp tập trung phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp, rừng gỗ lớn gắn với các cơ sở chế biến tập trung.

Về dịch vụ: Ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, mạo hiểm gắn với cộng đồng. Các điểm du lịch giàu tiềm năng trên tuyến hành lang bao gồm khu du lịch sinh thái Phà Lài (Con Cuông), đỉnh Puxailaileng (Kỳ Sơn).

#### **5.5. Khu du lịch Quốc gia**

Trong giai đoạn đến năm 2030 : ưu tiên phát triển Khu du lịch Quốc gia Kim Liên, Nam Đàn - nơi gắn liền với thời niên thiếu, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Bác. Khu du lịch lịch sử văn hoá Kim Liên bao gồm 04 cụm di tích: Làng Hoàng Trù, Làng Sen, mộ bà Hoàng Thị Loan và núi Chung. Ngoài ra, các quần thể tài nguyên du lịch trong khu vực và vùng phụ cận khác có khả năng hỗ trợ tạo ra sự hấp dẫn đối với khách du lịch khi đến tham quan khu du lịch như: Núi Thiên Nhẫn, thành Lục Niên, khu di tích mộ Nguyễn Thiếp tại xã Nam Kim; nhà lưu niệm Phan Bội Châu tại thị trấn Nam Đàn; đền thờ và mộ Vua Mai Hắc Đế, đình Hoành Sơn, đình Trung Cầm tại xã Khánh Sơn và Khu du lịch hồ Tràng Đen thuộc xã Nam Nghĩa.

Trong giai đoạn sau năm 2030: phát triển thêm khu du lịch quốc gia Con Cuông và phụ cận bao gồm các huyện miền Tây Nghệ An (Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Anh Sơn) nằm trên tuyến giao thông quốc lộ 7. Tài nguyên du lịch tự nhiên ở đây hết sức phong phú và đa dạng như: Hệ thống hang động, đồi núi gắn liền với đa dạng hệ sinh thái động thực vật. Vườn quốc gia Pù Mát; các hang động và hồ đập (Tương Dương); Lèn Kim Nhan xã Phúc Sơn (Anh Sơn); tài nguyên khu vực Mường Lống, đỉnh Puxailaileng (Kỳ Sơn)... Tài nguyên nhân văn: chủ yếu gắn liền với phong tục tập quán, lao động sản xuất các sản phẩm của cộng đồng dân tộc thiểu số như: Nghề thủ

công nghệ và các phong tục tập quán, lễ hội truyền thống dân tộc Mường, Thái...

## **6. Một số giải pháp thực hiện định hướng phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An đến năm 2030**

### **6.1. Nhóm giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư**

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, tăng cường quản lý thu tiền sử dụng đất, thu hoạt động xuất khẩu, hạn chế nợ đọng thuế. Tiếp tục thực hiện quyết liệt việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài. Ban hành, sửa đổi và triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chuẩn bị các điều kiện thuận lợi nhất về mặt bằng, địa điểm để thu hút đầu tư; phối hợp thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư khi có dự án đầu tư.

Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn. Tăng cường giám sát của cộng đồng theo quy định về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Coi việc giám sát cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các công trình xây dựng cơ bản.

### **6.2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng công tác dự báo, xác định cụ thể nhu cầu về số lượng, cơ cấu trình độ đào tạo đối với từng ngành kinh tế, làm cơ sở cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng. Chú trọng phát triển chương trình giáo dục địa phương, nhà trường theo hướng hiện đại, hội nhập, nhằm hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục tiên phong, chủ động xây dựng chương trình tích hợp song bằng; đổi mới hình thức dạy học thích ứng với cuộc cách mạng 4.0, đảm bảo chuẩn chất lượng khu vực, quốc tế, tạo cơ hội hội nhập cho học sinh Nghệ An. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển đội ngũ nhân lực, trong đó ưu tiên phát triển nhân lực lãnh đạo, quản lý và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân tài gốc xứ Nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện, môi trường làm việc năng động, sáng tạo để đội ngũ trí thức phát huy năng lực, sở trường, đóng góp hiệu quả vào quá trình phát triển.

### **6.3. Nhóm giải pháp về thể chế**

Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích liên kết phát triển như hỗ trợ lãi suất các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rừng gỗ lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến gỗ; phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản xuất, chế biến tập trung,... Tạo mọi điều kiện để tăng cường sự liên kết phát triển giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh với các tập đoàn

kinh tế mạnh, doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực tài chính và công nghệ cao. Hỗ trợ hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng, trước hết là chuỗi cung ứng hàng nông sản, thực phẩm thiết yếu, đẩy mạnh liên kết chuỗi, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng nguyên vật liệu và doanh nghiệp phân phối, bán lẻ. Hình thành trực liên kết dọc với các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh trước hết là kết nối 3 khu kinh tế trọng điểm để phát huy vai trò lan tỏa của hình thức này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị, 2013. *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020.*
2. Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2021. *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An 2020.* NXB Thống kê.
3. Đảng bộ tỉnh Nghệ An, 2020. *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX.*
4. Quốc hội khóa 15, 2021. *Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.*
5. Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), 2009. *Hành lang kinh tế và vai trò, vị trí của nó trong nền kinh tế quốc gia* (Đề tài Khoa học cấp Viện).